

Ôn tập học kì 1

Câu 1. Trong tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật, có mấy khổ giấy chính?

- A. 4. **B. 5.** C. 6. D. 3.

Câu 2. Từ khổ giấy A2 muốn có khổ giấy nhỏ hơn là khổ giấy A3 ta làm như thế nào?

- A. Chia đôi chiều rộng khổ giấy.
B. Chia đôi khổ giấy.
C. Chia đôi chiều dài khổ giấy.
D. Cả 3 đều sai.

Câu 3. Khổ giấy A₁ có kích thước là bao nhiêu (mm)?

- A. 841 x 594.** B. 420 x 297. C. 594 x 420. D. 297 x 210.

Câu 4. Khổ giấy A₃ có kích thước là bao nhiêu (mm)?

- A. 841 x 594. **B. 420 x 297.** C. 594 x 420. D. 297 x 210.

Câu 5. Khổ giấy A1 lớn gấp bao nhiêu lần khổ giấy A4?

- A. 4 lần B. 6 lần **C. 8 lần.** D. 16 lần.

Ôn tập học kì 1

Câu 6. Tỷ lệ nào sau đây là tỷ lệ phóng to:

A. 10:1; 1:5 B. 1:2; 1:20 C. 2:1; 1:1

D. 2:1; 5:1

Câu 7. Tỷ lệ nào sau đây là tỷ lệ thu nhỏ:

A. 100:1; 1:10 B. 1:5; 1:20 C. 10:1; 1:1 D. 10:1; 50:1.

Câu 8. Cho biết vị trí của khung tên trên bản vẽ kỹ thuật:

A. Góc trái phía trên bản vẽ.

B. Góc phải phía dưới bản vẽ.

C. Góc phải phía trên bản vẽ.

D. Góc trái phía dưới bản vẽ.

Câu 9. Tỷ lệ là?

A. Gồm tỷ lệ phóng to, tỷ lệ thu nhỏ và tỷ lệ nguyên hình.

B. Là một số được thể hiện trên bản vẽ, và có thể là số thập phân.

C. Tỷ số giữa kích thước trên hình biểu diễn và kích thước thực của vật thể.

D. Tỷ số giữa kích thước thực của vật thể và kích thước trên hình biểu diễn.

Câu 10. Nét liền đậm dùng để vẽ:

A. Đường bao thấy, cạnh thấy.

B. Đường bao khuất, cạnh khuất.

C. Đường tâm, đường trục đối xứng.

D. Đường giống, đường kích thước.

Ôn tập học kì 1

Câu 11. Nét liền mảnh dùng để vẽ:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy.
- B. Đường bao khuất, cạnh khuất.
- C. Đường tâm, đường trục đối xứng
- D. Đường giống, đường kích thước.

Câu 12. Nét đứt mảnh dùng để vẽ:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy.
- B. Đường bao khuất, cạnh khuất.
- C. Đường tâm, đường trục đối xứng
- D. Đường giống, đường kích thước.

Câu 13. Nét gạch chấm mảnh dùng để vẽ:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy.
- B. Đường bao khuất, cạnh khuất.
- C. Đường tâm, đường trục đối xứng
- D. Đường giống, đường kích thước.

Ôn tập học kì 1

Câu 14. Đường kích thước được vẽ bằng:

- A. Nét liền mảnh, song song với phần tử ghi kích thước.
- B. Nét liền mảnh, vuông góc với phần tử ghi kích thước.
- C. Nét liền đậm, song song với phần tử ghi kích thước.
- D. Nét liền đậm, vuông góc với phần tử ghi kích thước.

Câu 15. Đường giống kích thước được vẽ bằng:

- A. Nét liền mảnh, song song với phần tử cần ghi kích thước.
- B. Nét liền mảnh, vuông góc với phần tử cần ghi kích thước.
- C. Nét liền đậm, song song với phần tử cần ghi kích thước.
- D. Nét liền đậm, vuông góc với phần tử cần ghi kích thước.

Câu 16. Kích thước của khung tên là kích thước nào?

- A. Dài 140mm x rộng 32mm.
- B. Dài 140mm x rộng 22mm.
- C. Dài 140mm x rộng 42mm.
- D. Dài 130mm x rộng 32mm.

Ôn tập học kì 1

Câu 17. Đường bao khuất và cạnh khuất được vẽ bằng nét vẽ:

A. Đứt mảnh. B. Lượn sóng. C. Liên mảnh. D. Liên đậm.

Câu 18. Trên bản vẽ kỹ thuật những con số kích thước không ghi đơn vị thì được tính theo đơn vị:

A. m. B. cm. C. mm. D. dm.

Câu 19. Trên con số kích thước đường kính đường tròn và bán kính của cung tròn ghi các kí hiệu lần lượt sau:

A. M và R. B. M và T. C. Φ và R. D. Φ và M.

Câu 20. Đường kích thước và đường gióng kích thước được vẽ bằng nét:

A. Lượn sóng. B. Liên đậm. C. Đứt mảnh. D. Liên mảnh.

Câu 21. Đường tâm và đường trục đối xứng được vẽ bằng nét vẽ:

A. Gạch chấm mảnh. B. Liên mảnh. C. Liên đậm. D. Đứt mảnh

Câu 22. Đường bao thấy và cạnh thấy được vẽ bằng nét vẽ:

A. Liên đậm. B. Đứt mảnh. C. Liên mảnh. D. Lượn sóng.

Ôn tập học kì 1

Câu 23. Hình chiếu bằng của hình hộp thì hình chiếu đứng là ?

A. Hình chữ nhật

B. Hình tròn

C. Hình tam giác

D. hình thoi

Câu 24. Hình chiếu cạnh của hình cầu là?

A. Hình vuông

B. Hình chữ nhật

C. Hình tròn

D. Cả 3 đều sai

Câu 25. Hình chiếu bằng được đặt như thế nào so với hình chiếu đứng?

A. Bên trái

B. Ở trên

C. Ở dưới

D. Bên phải

Câu 26. Hình chiếu cạnh được đặt như thế nào so với hình chiếu đứng?

A. Bên trái

B. Ở trên

C. Ở dưới

D. Bên phải

Ôn tập học kì 1

Câu 27. Trong phương pháp hình chiếu vuông góc, hướng chiếu từ trên xuống ta được:

- A. Hình chiếu tùy ý.
- B. Hình chiếu đứng.
- C. Hình chiếu cạnh.
- D. Hình chiếu bằng.

Câu 28. Trong phương pháp hình chiếu vuông góc, hướng chiếu từ trước vào ta được:

- A. Hình chiếu tùy ý.
- B. Hình chiếu đứng.
- C. Hình chiếu cạnh.
- D. Hình chiếu bằng.

Câu 29. Trong phương pháp hình chiếu vuông góc, hướng chiếu từ bên trái ta được:

- A. Hình chiếu tùy ý.
- B. Hình chiếu đứng.
- C. Hình chiếu cạnh.
- D. Hình chiếu bằng.

Câu 30. Hình chiếu đứng thể hiện chiều nào của vật thể:

- A. Chiều dài và chiều cao.
- B. Chiều dài và chiều rộng.
- C. Chiều rộng và chiều ngang.
- D. Chiều cao và chiều rộng.

Ôn tập học kì 1

Câu 31. Hình chiếu bằng thể hiện chiều nào của vật thể:

- A. Chiều dài và chiều cao.
- B. Chiều dài và chiều rộng.**
- C. Chiều rộng và chiều ngang.
- D. Chiều cao và chiều rộng.

Câu 32. Hình chiếu cạnh thể hiện chiều nào của vật thể:

- A. Chiều dài và chiều cao.
- B. Chiều dài và chiều rộng.
- C. Chiều rộng và chiều ngang.
- D. Chiều cao và chiều rộng.**

Câu 33. Đối với phương pháp chiếu góc thứ nhất thì:

- A. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay phải 90^0 .**
- B. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay trái 90^0 .
- C. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay lên 90^0 .
- D. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay xuống 90^0 .

Ôn tập học kì 1

Câu 34. Đối với phương pháp chiếu góc thứ nhất thì:

- A. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay phải 90^0 .
- B. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay trái 90^0 .
- C. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay lên 90^0 .

D. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay xuống 90^0 .

Câu 35. Để biểu diễn hình chiếu vuông góc phải dùng phép chiếu nào ?

- A. Phép chiếu xuyên tâm .
- B. Phép chiếu song song .
- C. Phép chiếu vuông góc .
- D. Phép chiếu tùy ý .

Câu 36. Đối với phép chiếu vuông góc thì ?

- A. Phương chiếu vuông góc với mặt phẳng chiếu .
- B. Phương chiếu song song với mặt phẳng chiếu .
- C. Phương chiếu hợp một góc 60^0 với mặt phẳng chiếu .
- D. Phương chiếu hợp một góc tùy ý với mặt phẳng chiếu .

Ôn tập học kì 1

Câu 37. Trong phương pháp chiếu vuông góc, các mặt phẳng chiếu ?

- A. Mặt phẳng chiếu đứng vuông góc với mặt phẳng chiếu bằng .
- B. Mặt phẳng chiếu đứng vuông góc với mặt phẳng chiếu cạnh .
- C. Mặt phẳng chiếu cạnh vuông góc với mặt phẳng chiếu bằng .
- D. Cả ba câu trên đều đúng .

Câu 38. Đường bao của mặt cắt rời được vẽ bằng :

- A. Nét đứt mảnh
- B. Nét lượn sóng
- C. Nét liền đậm
- D. Nét liền mảnh

Câu 39. Mặt cắt chập được vẽ ở đâu so với hình chiếu tương ứng:

- A. Bên trái hình chiếu.
- B. Ngay lên hình chiếu.
- C. Bên phải hình chiếu.
- D. Bên ngoài hình chiếu.

Ôn tập học kì 1

Câu 40. Mặt cắt rời được vẽ ở đâu so với hình chiếu tương ứng:

- A. Bên trái hình chiếu.
- B. Ngay lên hình chiếu.
- C. Bên phải hình chiếu.
- D. Bên ngoài hình chiếu.

Câu 41. Hình cắt toàn bộ dùng để biểu diễn:

- A. Vật thể đối xứng.
- B. Hình dạng bên trong của vật thể.
- C. Hình dạng bên ngoài của vật thể.
- D. Tiết diện vuông góc của vật thể.

Câu 42. Hình cắt một nửa dùng để biểu diễn:

- A. Vật thể đối xứng.
- B. Hình dạng bên trong của vật thể.
- C. Hình dạng bên ngoài của vật thể.
- D. Tiết diện vuông góc của vật thể.

Câu 43. Hình cắt thể hiện:

- A. Vị trí các công trình với hệ thống đường sá, cây xanh...
- B. Vị trí, kích thước của tường, vách ngăn, cửa đi, ...
- C. Hình dáng, sự cân đối và vẻ đẹp bên ngoài ngôi nhà.
- D. Kết cấu của các bộ phận của ngôi nhà, kích thước, các tầng nhà theo chiều cao, cửa sổ,...

Câu 44. Mặt cắt là:

- A. Hình biểu diễn mặt cắt và các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt.
- B. Hình biểu diễn các đường gạch gạch và đường bao bên ngoài vật thể.
- C. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm trên mặt phẳng cắt.
- D. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt.

Câu 45. Mặt cắt nào được vẽ ngoài hình chiếu:

- A. Mặt cắt rời.
- B. Mặt cắt một nửa.
- C. Mặt cắt toàn bộ.
- D. Mặt cắt chập.

Câu 46. Góc trục đo của hình chiếu trục đo xiên góc cân có.

A. $X'O'Y' = Y'O'Z' = 90^0$; $X'O'Z' = 135^0$

B. $X'O'Y' = Y'O'Z' = 135^0$; $X'O'Z' = 90^0$

C. $X'O'Y' = Y'O'Z' = X'O'Z' = 120^0$

D. $X'O'Y' = Y'O'Z' = X'O'Z' = 135^0$

Câu 47. Góc trục đo của hình chiếu trục đo vuông góc đều có.

A. $X'O'Y' = Y'O'Z' = 90^0$; $X'O'Z' = 135^0$

B. $X'O'Y' = Y'O'Z' = 135^0$; $X'O'Z' = 90^0$

C. $X'O'Y' = Y'O'Z' = X'O'Z' = 120^0$

D. $X'O'Y' = Y'O'Z' = X'O'Z' = 135^0$

Câu 48. Hình chiếu trục đo xiên góc cân có hệ số biến dạng là.

A. $p = q = r = 0,5$.

B. $p = r = 1$; $q = 0,5$

C. $p = q = r = 1$

D. $p = q = 1$; $r = 0,5$

Câu 49. Hình chiếu trục đo vuông góc đều có hệ số biến dạng là.

A. $p = q = r = 0,5$.

B. $p = r = 1$; $q = 0,5$

C. $p = q = r = 1$

D. $p = q = 1$; $r = 0,5$

Câu 50. Trong hình chiếu trục đo, p là hệ số biến dạng theo trục nào?

A. $O'X'$

B. $O'Z'$.

C. $O'Y'$

D. OX .

Câu 6. Trong hình chiếu trục đo, q là hệ số biến dạng theo trục nào?

A. $O'X'$

B. $O'Z'$.

C. $O'Y'$

D. OY .

Câu 51. Trong hình chiếu trục đo, r là hệ số biến dạng theo trục nào?

A. $O'X'$

B. $O'Z'$.

C. $O'Y'$

D. OZ .

Câu 52. Thông số nào sau đây không phải là thông số của hình chiếu trục đo?

A. Góc trục đo.

B. Mặt phẳng hình chiếu.

C. Hệ số biến dạng.

D. Cả ba thông số.

Câu 53. Hình chiếu trục đo là hình biểu diễn 3 chiều của vật thể, được xác định bằng.

A. Phép chiếu vuông góc.

B. Phép chiếu song song.

C. Phép chiếu xuyên tâm.

D. Một loại phép chiếu khác.

Câu 54. Hình chiếu phối cảnh hai điểm tụ nhận được khi.

- A. Mặt tranh không song song với một mặt nào của vật thể
- B. Mặt tranh song song với một mặt của vật thể.
- C. Mặt phẳng hình chiếu song song với một mặt của vật thể.
- D. Cả 3 đều đúng.

Câu 55. Hình chiếu phối cảnh một điểm tụ nhận được khi.

- A. Mặt tranh không song song với một mặt nào của vật thể
- B. Mặt tranh tùy ý
- C. Mặt tranh song song với một mặt của vật thể
- D. Mặt tranh song song với mặt phẳng vật thể

Câu 56. Trong hình chiếu phối cảnh mặt phẳng thẳng đứng đặt vuông góc với mặt phẳng vật thể gọi là gì?

- A. Mặt phẳng tâm mắt
- B. Mặt tranh
- C. Mặt phẳng vật thể
- D. Điểm nhìn

Câu 57. Hình chiếu phối cảnh là hình biểu diễn 3 chiều của vật thể, được xác định bằng.

- A. Phép chiếu vuông góc.
- B. Phép chiếu song song.
- C. Phép chiếu xuyên tâm.
- D. Một loại phép chiếu khác.